

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2020/NĐ-CP NĂM HỌC 2025-2026

Đơn vị tính: nghìn đồng.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Xuân Hòa)

| TT | Tên đơn vị              | Số trẻ<br>mầm non<br>ăn bán<br>trú | Hỗ trợ Kinh phí tổ chức nấu ăn |                  |             | Hỗ trợ GV dạy lớp ghép |                  |            | Hỗ trợ GV dạy tăng cường<br>tiếng Việt |             |            | Hỗ trợ GV dạy ở địa<br>bản có Khu CN |             |             | Ghi chú |
|----|-------------------------|------------------------------------|--------------------------------|------------------|-------------|------------------------|------------------|------------|----------------------------------------|-------------|------------|--------------------------------------|-------------|-------------|---------|
|    |                         |                                    | Số định<br>mức                 | Số<br>tháng<br>g | Kinh phí    | Số<br>GV               | Số<br>tháng<br>g | Kinh phí   | Số<br>GV                               | Số<br>tháng | Kinh phí   | Số GV                                | Số<br>tháng | Kinh<br>phí |         |
| 1  | Trường MN số 1 Xuân Hòa | 275                                | 5                              | 9                | 108,000.000 | 4                      | 9                | 16,200.000 | 12                                     | 9           | 48,600.000 |                                      |             |             |         |
| 2  | Trường MN số 2 Xuân Hòa | 258                                | 5                              |                  | 108,000.000 | 6                      | 9                | 24,300.000 | 4                                      | 9           | 16,200.000 |                                      |             |             |         |
| 3  | Trường MN Tân Dương     |                                    |                                |                  |             | 2                      |                  | 8,100.000  |                                        |             |            |                                      |             |             |         |
|    | Tổng                    |                                    |                                |                  | 216,000.000 |                        |                  | 48,600.000 |                                        |             | #####      |                                      |             |             |         |

DANH SÁCH GIÁO VIÊN MẦM NON ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ  
DẠY LỚP GHEP; DẠY TĂNG CƯỜNG TIẾNG VIỆT  
năm học 2025 - 2026

ĐVT: Nghìn đồng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Xuân Hòa)

| Stt | Họ và tên                    | Ngày tháng năm sinh | Trình độ đào tạo | Đơn vị công tác         | Dạy lớp ghép 2+3 độ tuổi | Dạy lớp ghép 3 độ tuổi trở lên | Dạy tăng cường Tiếng Việt | Mức tiền hưởng/tháng | Số tháng được hưởng | Kinh phí   | Ghi chú |
|-----|------------------------------|---------------------|------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------|----------------------|---------------------|------------|---------|
| 1   | 2                            | 3                   | 4                | 5                       | 6                        | 7                              | 8                         | 9                    | 10                  | 11         | 12      |
| 1   | Trường Mầm non số 1 Xuân Hòa |                     |                  |                         | 2                        | 2                              | 12                        |                      |                     | 64,800,000 |         |
| 1   | Hoàng Thị Thúy Nga           | 22-7-1994           | CĐMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 2   | Cổ Thị Phiên                 | 17-09-1983          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 3   | Vàng Thị Phương              | 24-09-1994          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 4   | Lâm Thu Vân                  | 13-01-1990          | CĐMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 5   | Đinh Thị Ánh Vân             | 12-01-1984          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa | x                        |                                |                           | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 6   | Nguyễn Thị Tuấn              | 20-04-1985          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa | x                        |                                |                           | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 7   | Triệu Thị Xuân               | 11-03-1994          | TCMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 8   | Đàm Thị Hằng                 | 14-02-1985          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 9   | Hà Thị Lan Phương            | 17-02-1986          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 10  | Trần Thị Kim Lương           | 06-12-1985          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 11  | Nguyễn Thị Hồng Liễu         | 12-12-1980          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 12  | Triệu Thị Viên               | 08-10-1990          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |
| 13  | Nguyễn Thúy Hậu              | 05-04-1990          | ĐHMN             | Trường MN số 1 Xuân Hòa |                          |                                | x                         | 450,000              | 9                   | 4,050,000  |         |

|           |                       |            |         |                         |   |   |    |         |   |             |  |
|-----------|-----------------------|------------|---------|-------------------------|---|---|----|---------|---|-------------|--|
| 14        | Hoàng Thị Hương       | 02-08-1974 | CĐTH    | Trường MN số 1 Xuân Hòa |   |   | x  | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 15        | Lù Thị Quai           | 10-06-1996 | CĐMN    | Trường MN số 1 Xuân Hòa |   | x |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 16        | Lương Thị Thanh Huỳnh | 11-10-1989 | ĐHMN    | Trường MN số 1 Xuân Hòa |   | x |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| II        | Mầm non số 2 Xuân Hòa |            |         |                         | 4 | 2 | 4  |         |   | 40,500,000  |  |
| 1         | Hoàng Thị Huỳnh       | 09-4-1990  | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        | x |   |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 2         | Lý Thị Đề             | 20-11-1987 | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        | x |   |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 3         | Long Thị Oai          | 05-3-1987  | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        |   | x |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 4         | Hoàng Thị Thùy        | 12-4-1988  | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        |   | x |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 5         | Nguyễn Thị Sắc        | 25-01-1984 | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        |   |   | x  | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 6         | Nguyễn Thị Lan        | 10-11-1987 | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        |   |   | x  | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 7         | Phạm Lan Phương       | 14-3-1988  | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        | x |   |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 8         | Hà Thị Duyên          | 17-02-1992 | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        | x |   |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 9         | Hoàng Thị Hào         | 28-02-1991 | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        |   |   | x  | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 10        | Dương Thị Thu Dung    | 26-9-1995  | Đại học | MN Số 2 Xuân Hòa        |   |   | x  | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| III       | Mầm non Tân Dương     |            |         |                         |   | 2 |    |         |   | 8,100,000   |  |
| 1         | Đỗ Thị Thông          | 25-01-1988 | Đại học | Mầm non Tân Dương       |   | x |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| 2         | Bàn Thị Ánh           | 03-08-1987 | Đại học | Mầm non Tân Dương       |   | x |    | 450,000 | 9 | 4,050,000   |  |
| Tổng cộng |                       |            |         |                         | 6 | 6 | 16 |         |   | 113,400,000 |  |

---